

C.TY CP SADICO CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/SADICO.2018

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà nội

1. Tên Công ty : **Công Ty Cổ Phần SADICO Cần Thơ**
2. Mã chứng khoán : **SDG**.
3. Địa chỉ trụ sở chính : 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành Phố Cần Thơ.
4. Điện thoại : 0292 3884354 Fax : 0292 3821141
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ông Nguyễn Phú Thọ.
6. Nội dung của thông tin công bố :
  - 6.1. Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán
  - 6.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm 2016
    - Cổ tức từ đầu tư tài chính : 8.806 triệu đồng.
    - Hoàn nhập Quỹ dự phòng tiền lương tăng : 1.800 triệu đồng
    - Doanh thu và sản lượng tiêu thụ đều giảm
    - Giá hạt nhựa PP tăng
    - Trích dự phòng phải thu khó đòi : 1.247 triệu đồng
    - Chi phí tài chính và chi phí KHCB đều tăng
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố  
[www.sadico.com.vn](http://www.sadico.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Website Công Ty
- Lưu: HC, PTCKTTK



*Nguyễn Phú Thọ*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO**  
**CẦN THƠ**

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                     | <b>Trang</b>   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                   | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>                                                             | <b>2 - 3</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                 | <b>4 - 5</b>   |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>                                        | <b>6 - 9</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b> | <b>10</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>    | <b>13 - 37</b> |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 (số cũ là 5703000320) đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 05 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 0292 3815108
- Fax : 0292 3821141

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Ủy thác xuất nhập khẩu; Đầu tư kinh doanh bất động sản; In ấn; Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành in, sau in và máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì, nhựa, giấy, phụ gia và hóa chất ngành nhựa các loại.

**Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên           | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|---------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Phú Thọ  | Chủ tịch   | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Lê Hoàng Tuấn   | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Lê Ngọc Anh     | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Lưu Văn Kính    | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Lưu Hoàng Thanh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016 |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                         |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Trần Hữu Định      | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016     |
| Ông Nguyễn Quốc Khánh  | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thúy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016     |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày tái bổ nhiệm                     |
|----------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Phú Thọ   | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Văn Cường | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2016 |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Phú Thọ - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Nguyễn Phú Thọ**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area,  
Phước Hải Ward, Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 4.0102/18/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 15 tháng 3 năm 2017.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Cần Thơ**



---

**Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

---

**Nguyễn Thị Bé Ghi – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 26 tháng 3 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>80.802.284.831</b> | <b>87.601.069.529</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>1.006.013.113</b>  | <b>4.647.021.850</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 1.006.013.113         | 4.647.021.850         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>35.736.074.480</b> | <b>42.704.341.664</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 36.860.435.401        | 40.417.006.283        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 31.387.600            | 289.364.913           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 427.551.479           | 2.333.870.468         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (1.583.300.000)       | (335.900.000)         |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>43.057.159.033</b> | <b>39.695.187.546</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 43.057.159.033        | 39.695.187.546        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>1.003.038.205</b>  | <b>554.518.469</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8         | 242.666.364           | 237.830.000           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.9         | 760.371.841           | 316.688.469           |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>143.972.314.690</b> | <b>150.785.936.765</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>96.778.323.247</b>  | <b>103.525.522.909</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.10        | 96.778.323.247         | 103.525.522.909        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 189.476.075.009        | 200.004.946.009        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (92.697.751.762)       | (96.479.423.100)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 228        | V.11        | 99.856.000             | 99.856.000             |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (99.856.000)           | (99.856.000)           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>46.525.335.162</b>  | <b>46.525.335.162</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2         | 42.291.820.004         | 42.291.820.004         |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2         | 4.233.515.158          | 4.233.515.158          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>668.656.281</b>     | <b>735.078.694</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        |             | -                      | -                      |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        | V.12        | 668.656.281            | 735.078.694            |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>224.774.599.521</b> | <b>238.387.006.294</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>116.418.925.634</b> | <b>146.163.286.268</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>89.522.545.545</b>  | <b>119.341.906.179</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13a,c     | 9.006.667.988          | 5.300.685.705          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.14a       | 1.962.400.000          | 1.404.223.220          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.15        | 671.870.998            | 1.298.740.211          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.16        | 10.026.172.921         | 14.762.605.248         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.17a       | 223.084.959            | 2.271.402.716          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.18a,c     | 52.272.728             | 45.000.000             |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.19a,c     | 25.352.841             | 41.104.760             |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.20a,c     | 65.545.389.523         | 92.776.697.677         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.21        | 2.009.333.587          | 1.441.446.642          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>26.896.380.089</b>  | <b>26.821.380.089</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.20b,c     | 26.896.380.089         | 26.821.380.089         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>108.355.673.887</b> | <b>92.223.720.026</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>108.355.673.887</b> | <b>92.223.720.026</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.22        | 64.999.970.000         | 64.999.970.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 64.999.970.000         | 64.999.970.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.22        | (50.000.000)           | (50.000.000)           |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.22        | 25.835.920.722         | 24.021.538.182         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.22        | 17.569.783.165         | 3.252.211.844          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 3.252.211.844          | 3.252.211.844          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 14.317.571.321         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>224.774.599.521</b> | <b>238.387.006.294</b> |

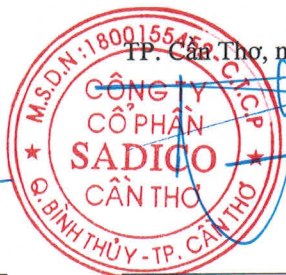
TP. Cần Thơ, ngày 17 tháng 01 năm 2018



**Dương Thị Quỳnh Giao**  
Người lập



**Dương Thị Quỳnh Giao**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Phú Thọ**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

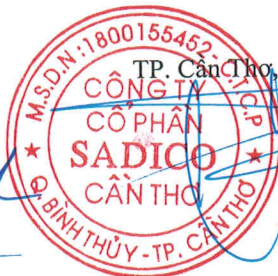
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 231.988.393.697 | 334.932.744.539 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 231.988.393.697 | 334.932.744.539 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 197.889.797.065 | 291.210.151.188 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 34.098.596.632  | 43.722.593.351  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 8.819.266.445   | 993.836.252     |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 7.936.582.755   | 7.145.583.813   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 7.915.016.642   | 7.061.616.519   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.5        | 2.494.255.771   | 2.982.462.715   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.6        | 13.976.596.477  | 18.427.632.680  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 18.510.428.074  | 16.160.750.395  |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 2.060.802.557   | 2.205.420.816   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 23.671.561      | 59.824.509      |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 2.037.130.996   | 2.145.596.307   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 20.547.559.070  | 18.306.346.702  |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.15        | 2.403.733.669   | 3.615.600.573   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    | VI.9        | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 18.143.825.401  | 14.690.746.129  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.10a,c    | 2.482           | 1.963           |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.10a,c    | 2.482           | 1.963           |

  
Dương Thị Quỳnh Giao  
Người lập

  
Dương Thị Quỳnh Giao  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Phú Thọ  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước               |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                       |                         |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |             | 260.641.567.586       | 363.072.781.361         |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (163.203.283.841)     | (255.164.650.074)       |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                              | 03        |             | (38.470.220.947)      | (51.474.381.156)        |
| 4. Tiền lãi vay đã trả                                                          | 04        |             | (7.915.674.331)       | (6.939.443.137)         |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                            | 05        | V.15        | (2.847.417.041)       | (3.046.147.104)         |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                        | 06        |             | 2.090.675.145         | 3.783.247.556           |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | (32.139.975.259)      | (40.553.699.036)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>18.155.671.312</b> | <b>9.677.708.410</b>    |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                       |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        | V.9         | (6.781.024.481)       | (56.732.965.007)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | 3.343.636.364         | 3.154.272.727           |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | -                     | -                       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | -                     | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                      | 25        |             | -                     | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                  | 26        |             | -                     | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        | VI.3        | 8.805.740.000         | 939.827.933             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>5.368.351.883</b>  | <b>(52.638.864.347)</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

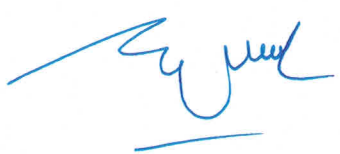
### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                         |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        | V.20a,b     | 224.901.965.663         | 313.025.622.467        |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        | V.20a,b     | (252.058.273.817)       | (260.258.856.319)      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                       | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        |             | (8.710.000)             | (12.990.504.000)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>(27.165.018.154)</b> | <b>39.776.262.148</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>(3.640.994.959)</b>  | <b>(3.184.893.789)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>4.647.021.850</b>    | <b>7.831.705.361</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | (13.778)                | 210.278                |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>1.006.013.113</b>    | <b>4.647.021.850</b>   |

TP. Cần Thơ, ngày 17 tháng 01 năm 2018

  
Dương Thị Quỳnh Giao  
Người lập

  
Dương Thị Quỳnh Giao  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Phú Thọ  
Tổng Giám đốc



# **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Ủy thác xuất nhập khẩu; Đầu tư kinh doanh bất động sản; In ấn; Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành in, sau in và máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì, nhựa, giấy, phụ gia và hóa chất ngành nhựa các loại.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Công ty**

##### ***Công ty liên kết***

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô có trụ sở chính tại Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 48,17%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 244 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 240 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Năm nay</u> |
|---------------------------------|----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 – 30        |
| Máy móc và thiết bị             | 05 - 15        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 07 - 08        |

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm:

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

#### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán) của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **12. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt                        | 3.309.386            | 41.604.227           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.002.703.727        | 4.605.417.623        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>1.006.013.113</b> | <b>4.647.021.850</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

|                                                             | Số cuối năm           |          |                | Số đầu năm            |          |                |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|----------------|-----------------------|----------|----------------|
|                                                             | Giá gốc               | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc               | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>                          | <b>42.291.820.004</b> | -        | -              | <b>42.291.820.004</b> | -        | -              |
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô <sup>(i)</sup>               | 42.291.820.004        | -        | -              | 42.291.820.004        | -        | -              |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                       | <b>4.233.515.158</b>  | -        | -              | <b>4.233.515.158</b>  | -        | -              |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên <sup>(ii)</sup>             | 2.682.621.200         | -        | -              | 2.682.621.200         | -        | -              |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang <sup>(iii)</sup> | 1.550.893.958         | -        | -              | 1.550.893.958         | -        | -              |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>46.525.335.162</b> | -        | -              | <b>46.525.335.162</b> | -        | -              |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800561359 ngày 23 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô 36.611.500.000 VND, tương đương 48,17% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 36.611.500.000 VND, tương đương 48,17% vốn điều lệ (số đầu năm là 36.611.500.000 VND, tương đương 48,17% vốn điều lệ).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700445937 ngày 09 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2.638.400.000 VND, tương đương 7,75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 2.638.400.000 VND, tương đương 7,75% vốn điều lệ (Số đầu năm 2.638.400.000 VND, tương đương 7,75% vốn điều lệ).

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700105088 ngày 02 tháng 02 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang 1.400.000.000 VND, tương đương 3,05% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 1.400.000.000 VND, tương đương 3,05% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.400.000.000 VND, tương đương 3,05% vốn điều lệ).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### *Tình hình hoạt động của công ty liên kết*

Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Giao dịch với Công ty liên kết*

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng hóa, thành phẩm cho Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô là công ty liên kết với số tiền là 45.265.712.800 VND (năm trước là 90.650.678.600 VND).

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                              | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>     | <b>8.601.322.620</b>  | <b>2.163.571.410</b>  |
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô               | 5.422.595.640         | -                     |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên - Kiên Giang | 3.178.726.980         | 2.163.571.410         |
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>   | <b>28.259.112.781</b> | <b>38.253.434.873</b> |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long | 6.525.200.000         | 13.973.238.400        |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức          | 6.708.422.000         | 3.077.856.000         |
| Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh           | 1.663.000.000         | 8.379.250.000         |
| Các khách hàng khác                          | 13.362.490.781        | 12.823.090.473        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>36.860.435.401</b> | <b>40.417.006.283</b> |

Toàn bộ số dư phải thu ngắn hạn của Công ty có giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2017 là 36.860.435.401 VND (số đầu năm là 40.417.006.283 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                | Số cuối năm       | Số đầu năm         |
|------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| <b><i>Trả trước cho các người bán khác</i></b> |                   |                    |
| Rieckermann GmbH                               | -                 | 92.901.944         |
| Starlinger & Co. Gesellschaft m.b.H            | -                 | 155.490.300        |
| Các nhà cung cấp khác                          | 31.387.600        | 40.972.669         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>31.387.600</b> | <b>289.364.913</b> |

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

|                                                    | Số cuối năm        |          | Số đầu năm           |          |
|----------------------------------------------------|--------------------|----------|----------------------|----------|
|                                                    | Giá trị            | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b> |                    |          |                      |          |
| Các khoản ký cược, ký quỹ                          | 24.667.706         | -        | 1.072.641.804        | -        |
| Tạm ứng                                            | 168.508.744        | -        | 700.180.414          | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                   | 234.375.029        | -        | 561.048.250          | -        |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>427.551.479</b> | <b>-</b> | <b>2.333.870.468</b> | <b>-</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

|                                                     | Thời gian quá hạn                | Số cuối năm          |                        | Thời gian quá hạn | Số đầu năm         |                        |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|------------------------|-------------------|--------------------|------------------------|
|                                                     |                                  | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |                   | Giá gốc            | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>                  |                                  |                      |                        |                   |                    |                        |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long        |                                  | 6.525.200.000        | 5.277.800.000          | -                 | -                  | -                      |
| Phải thu tiền bán hàng                              | <i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i> | 6.525.200.000        | 5.277.800.000          | -                 | -                  | -                      |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vận tải Phan Thành |                                  | 176.000.000          | -                      |                   | 176.000.000        | -                      |
| Phải thu tiền bán hàng                              | <i>Trên 3 năm</i>                | 176.000.000          | -                      | <i>Trên 3 năm</i> | 176.000.000        | -                      |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến                                 |                                  | 159.900.000          | -                      |                   | 159.900.000        | -                      |
| Phải thu khác                                       | <i>Trên 3 năm</i>                | 159.900.000          | -                      | <i>Trên 3 năm</i> | 159.900.000        | -                      |
| <b>Cộng</b>                                         |                                  | <b>6.861.100.000</b> | <b>5.277.800.000</b>   |                   | <b>335.900.000</b> | <b>-</b>               |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>   |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Số đầu năm                 | 335.900.000          | 287.930.000        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.247.400.000        | 47.970.000         |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>1.583.300.000</b> | <b>335.900.000</b> |

**7. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 10.286.144.886        | -        | 16.220.557.735        | -        |
| Công cụ, dụng cụ                     | 9.588.587.634         | -        | 5.044.331.913         | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.316.355.338         | -        | 6.473.713.232         | -        |
| Thành phẩm                           | 19.866.071.175        | -        | 11.956.584.666        | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>43.057.159.033</b> | <b>-</b> | <b>39.695.187.546</b> | <b>-</b> |

Toàn bộ số dư hàng tồn kho của Công ty có giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2017 là 30.152.216.061 VND (số đầu năm là 28.177.142.401 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí bảo hiểm còn phải phân bổ.

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                                             | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng                   |
|---------------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                           |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Số đầu năm                                  | 29.048.062.817            | 167.696.180.762        | 3.097.242.430                         | 163.460.000                     | 200.004.946.009        |
| Mua trong năm                               | -                         | 90.000.000             | -                                     | -                               | 90.000.000             |
| Đầu tư xây dựng cơ<br>bản hoàn thành        | -                         | 6.691.024.481          | -                                     | -                               | 6.691.024.481          |
| Thanh lý, nhượng<br>bán                     | -                         | (17.309.895.481)       | -                                     | -                               | (17.309.895.481)       |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>29.048.062.817</b>     | <b>157.167.309.762</b> | <b>3.097.242.430</b>                  | <b>163.460.000</b>              | <b>189.476.075.009</b> |
| <b>Trong đó:</b>                            |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn sử<br>dụng | 9.636.332.636             | 36.112.903.748         | 1.312.431.521                         | -                               | 47.061.667.905         |
| Chờ thanh lý                                | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                      |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                      |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Số đầu năm                                  | 20.788.877.559            | 73.245.351.168         | 2.337.233.563                         | 107.960.810                     | 96.479.423.100         |
| Khấu hao trong năm                          | 1.219.177.666             | 10.775.804.914         | 229.018.656                           | 21.389.100                      | 12.245.390.336         |
| Thanh lý, nhượng<br>bán                     | -                         | (16.027.061.674)       | -                                     | -                               | (16.027.061.674)       |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>22.008.055.225</b>     | <b>67.994.094.408</b>  | <b>2.566.252.219</b>                  | <b>129.349.910</b>              | <b>92.697.751.762</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                      |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Số đầu năm                                  | 8.259.185.258             | 94.450.829.594         | 760.008.867                           | 55.499.190                      | 103.525.522.909        |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>7.040.007.592</b>      | <b>89.173.215.354</b>  | <b>530.990.211</b>                    | <b>34.110.090</b>               | <b>96.778.323.247</b>  |

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 96.778.323.247 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                         | Số đầu năm | Chi phí phát<br>sinh trong năm | Kết chuyển vào<br>TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------|
| Mua sắm tài sản cố định | -          | 6.691.024.481                  | (6.691.024.481)                  | -           |
| <b>Cộng</b>             | <b>-</b>   | <b>6.691.024.481</b>           | <b>(6.691.024.481)</b>           | <b>-</b>    |

**12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

|                                             | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế | 668.656.281        | 735.078.694        |
| Trừ dự phòng                                | -                  | -                  |
| <b>Giá trị thuần</b>                        | <b>668.656.281</b> | <b>735.078.694</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                        | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>  |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Á Đông ADG             | 1.369.900.000        | 700.000.000          |
| Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Ngân Hạnh | -                    | 1.050.560.000        |
| Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An  | 1.161.160.000        | -                    |
| Rieckermann GmbH                       | -                    | 1.875.588.000        |
| Công ty Cổ phần Nhựa OPEC              | 5.518.100.000        | -                    |
| Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu           | -                    | 906.400.000          |
| Các nhà cung cấp khác                  | 957.507.988          | 768.137.705          |
| <b>Cộng</b>                            | <b>9.006.667.988</b> | <b>5.300.685.705</b> |

**13a. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                                | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i>             | -                    | 997.223.220          |
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô                 | -                    | 997.223.220          |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i>            | 1.962.400.000        | 407.000.000          |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà | 990.000.000          | 407.000.000          |
| Công ty TNHH Bao bì Hiệp Phước                 | 550.000.000          | -                    |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Thuận Thiên             | 422.400.000          | -                    |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>1.962.400.000</b> | <b>1.404.223.220</b> |

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                             | <u>Số đầu năm</u> |                     | <u>Số phát sinh trong năm</u> |                       | <u>Số cuối năm</u> |                     |
|-----------------------------|-------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------|---------------------|
|                             | <u>Phải nộp</u>   | <u>Phải thu (*)</u> | <u>Số phải nộp</u>            | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u>    | <u>Phải thu (*)</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa  | 780.528.949       | -                   | 6.614.289.320                 | (6.785.252.418)       | 609.565.851        | -                   |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu    | -                 | -                   | 1.304.159.510                 | (1.304.159.510)       | -                  | -                   |
| Thuế xuất, nhập khẩu        | -                 | -                   | 360.829.173                   | (360.829.173)         | -                  | -                   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | -                 | 316.688.469         | 2.403.733.669                 | (2.847.417.041)       | -                  | 760.371.841         |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 518.211.262       | -                   | 1.568.633.619                 | (2.024.539.734)       | 62.305.147         | -                   |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | -                 | -                   | 855.632.408                   | (855.632.408)         | -                  | -                   |
| Các loại thuế khác          | -                 | -                   | 3.000.000                     | (3.000.000)           | -                  | -                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                        | <b>Số đầu năm</b>    |                     | <b>Số phát sinh trong năm</b> |                         | <b>Số cuối năm</b> |                     |
|----------------------------------------|----------------------|---------------------|-------------------------------|-------------------------|--------------------|---------------------|
|                                        | <b>Phải nộp</b>      | <b>Phải thu (*)</b> | <b>Số phải nộp</b>            | <b>Số đã thực nộp</b>   | <b>Phải nộp</b>    | <b>Phải thu (*)</b> |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                    | -                   | 23.120.368                    | (23.120.368)            | -                  | -                   |
| <b>Cộng</b>                            | <b>1.298.740.211</b> | <b>316.688.469</b>  | <b>13.133.398.067</b>         | <b>(14.203.950.652)</b> | <b>671.870.998</b> | <b>760.371.841</b>  |

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa đang trình bày ở chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước”.

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|                                                                                                          | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 20.547.559.070       | 18.306.346.702       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                      |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 276.849.277          | 658.794.884          |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | -                    | -                    |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                       | 20.824.408.347       | 18.965.141.586       |
| Thu nhập được miễn thuế                                                                                  | (8.805.740.000)      | (887.138.720)        |
| Lỗi các năm trước được chuyển                                                                            | -                    | -                    |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | 12.018.668.347       | 18.078.002.866       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%                  | 20%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                               | <b>2.403.733.669</b> | <b>3.615.600.573</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

***Tiền thuê đất***

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với diện tích thuê như sau:

| <b>Vị trí đất</b>                                                                   | <b>Mức tiền thuê</b>      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| - Thửa đất số 17; tờ bản đồ số 25, 37; P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. | 20.184 VND/m <sup>2</sup> |
| - Thửa đất số 97; tờ bản đồ số 50; P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.     | 96.705 VND/m <sup>2</sup> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- |                                                                                         |                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| - Thửa đất số 19, 51; tờ bản đồ số 36, 37; P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. | 32.256 VND/m <sup>2</sup> |
| - Thửa đất số 37; tờ bản đồ số 06; P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.         | 24.244 VND/m <sup>2</sup> |

#### Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 16. Phải trả người lao động

|                                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lương, thưởng còn phải trả | 5.826.172.921         | 8.762.605.248         |
| Quỹ dự phòng tiền lương         | 4.200.000.000         | 6.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>                     | <b>10.026.172.921</b> | <b>14.762.605.248</b> |

#### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                             | Số cuối năm        | Số đầu năm           |
|---------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> |                    |                      |
| Chi phí lãi vay phải trả                    | 122.266.777        | 122.924.466          |
| Trích trước chi phí trợ cấp thôi việc       | -                  | 2.148.478.250        |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác          | 100.818.182        | -                    |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>223.084.959</b> | <b>2.271.402.716</b> |

#### 18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

|                                                                           | Số cuối năm       | Số đầu năm        |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i> |                   |                   |
| Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác                          | 52.272.728        | 45.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                               | <b>52.272.728</b> | <b>45.000.000</b> |

#### 19. Phải trả ngắn hạn khác

|                                             | Số cuối năm       | Số đầu năm        |
|---------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> |                   |                   |
| Bảo hiểm xã hội                             | 1.947.386         | 6.272.932         |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                  | 21.190.000        | 29.900.000        |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác            | 2.215.455         | 4.931.828         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>25.352.841</b> | <b>41.104.760</b> |

#### 19a. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Vay****20a. Vay ngắn hạn**

|                                                                        | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</b>                          |                       |                       |
| Vay ngắn hạn ngân hàng                                                 | 53.209.389.523        | 83.140.697.677        |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ <sup>(i)</sup> | 24.355.941.150        | 38.813.440.036        |
| Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ <sup>(ii)</sup>            | 2.748.712.373         | 8.895.041.604         |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) <sup>(iii)</sup>                    | 26.104.736.000        | 27.943.240.427        |
| Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. Hồ Chí Minh                              | -                     | 7.488.975.610         |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)                     | 12.336.000.000        | 9.636.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                                            | <b>65.545.389.523</b> | <b>92.776.697.677</b> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 18/7/2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho hình thành từ vốn vay; các khoản phải thu của Công ty; nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,25%/năm và ngân hàng được điều chỉnh đột xuất, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 26/5/2018. Khoản vay này được miễn thế chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để mua nguyên vật liệu trong nước, nhập khẩu nguyên vật liệu, thanh toán các nghĩa vụ dưới thư tín dụng do ngân hàng phát hành với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn duy trì hạn mức đối với khoản tín dụng để tài trợ nhập khẩu nguyên vật liệu là 120 ngày, đối với khoản tín dụng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu trong nước, nhập khẩu nguyên vật liệu, thanh toán các nghĩa vụ dưới Thư tín dụng do ngân hàng phát hành là 150 ngày, đối với khoản tín dụng để tài trợ thanh toán trước cho việc mua nguyên vật liệu trong nước, nhập khẩu nguyên vật liệu là 150 ngày tính từ ngày 05/12/2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu của công ty (xem thuyết minh số V.3).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

|                         | <u>Số đầu năm</u>     | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>    |
|-------------------------|-----------------------|----------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 83.140.697.677        | 210.465.965.663                        | -                                | (240.397.273.817)                   | 53.209.389.523        |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 9.636.000.000         | -                                      | 14.361.000.000                   | (11.661.000.000)                    | 12.336.000.000        |
| <b>Cộng</b>             | <b>92.776.697.677</b> | <b>210.465.965.663</b>                 | <b>14.361.000.000</b>            | <b>(252.058.273.817)</b>            | <b>65.545.389.523</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 20b. Vay dài hạn

|                                                                        | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>                           |                       |                       |
| Vay dài hạn ngân hàng                                                  | 26.896.380.089        | 26.821.380.089        |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ <sup>(i)</sup> | 14.971.380.089        | 21.871.380.089        |
| Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ <sup>(ii)</sup>            | 11.925.000.000        | 4.950.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                                            | <b>26.896.380.089</b> | <b>26.821.380.089</b> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để:
- Thanh toán các chi phí đầu tư dự án dây chuyền máy đóng bao đáy vuông với lãi suất 7,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng một lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25/10/2016.
  - Thanh toán máy tạo sợi Tiratex nhập khẩu từ Đức với lãi suất 7,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và được điều chỉnh 03 tháng một lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25/01/2016.
  - Thanh toán các chi phí đầu tư dự án dây chuyền máy dán bao đáy vuông với lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng một lần, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25/5/2015.

Các khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.9).

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ để:
- Tài trợ mua máy in hiệu ServoTex 850/6C và 16 máy dệt tròn RX6.0 sản xuất năm 2016 và 16 máy dệt tròn RX6.0 sản xuất năm 2017 với lãi suất 9,5%/năm và được điều chỉnh mỗi 03 tháng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 4 năm 2017.
  - Mua máy móc, thiết bị (Máy tráng màng) với lãi suất 9,5%/năm và ngân hàng được điều chỉnh đột xuất, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 31 tháng 10 năm 2015.

Các khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 12.336.000.000        | 9.636.000.000         |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 26.896.380.089        | 26.821.380.089        |
| Trên 5 năm           | -                     | -                     |
| <b>Cộng</b>          | <b>39.232.380.089</b> | <b>36.457.380.089</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

|                              |                       |
|------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                   | 26.821.380.089        |
| Số tiền vay phát sinh        | 14.436.000.000        |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (14.361.000.000)      |
| <b>Số cuối năm</b>           | <b>26.896.380.089</b> |

**20c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                   | Số đầu năm           | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm      | Số cuối năm          |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ phúc lợi                      | 745.338.047          | 907.191.270                    | (110.100.000)          | 1.542.429.317        |
| Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý | 696.108.595          | 1.104.680.270                  | (1.333.884.595)        | 466.904.270          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>1.441.446.642</b> | <b>2.011.871.540</b>           | <b>(1.443.984.595)</b> | <b>2.009.333.587</b> |

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước         | 64.999.970.000            | (50.000.000)         | 21.083.388.956        | 6.428.326.617                     | 92.461.685.573         |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                         | -                    | -                     | 14.690.746.129                    | 14.690.746.129         |
| Trích lập các quỹ           | -                         | -                    | 2.938.149.226         | (4.866.866.902)                   | (1.928.717.676)        |
| Chia cổ tức                 | -                         | -                    | -                     | (12.999.994.000)                  | (12.999.994.000)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>64.999.970.000</b>     | <b>(50.000.000)</b>  | <b>24.021.538.182</b> | <b>3.252.211.844</b>              | <b>92.223.720.026</b>  |
| Số dư đầu năm nay           | 64.999.970.000            | (50.000.000)         | 24.021.538.182        | 3.252.211.844                     | 92.223.720.026         |
| Lợi nhuận trong năm nay     | -                         | -                    | 1.814.382.540         | 18.143.825.401                    | 18.143.825.401         |
| Trích lập các quỹ           | -                         | -                    | -                     | (3.826.254.080)                   | (2.011.871.540)        |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>64.999.970.000</b>     | <b>(50.000.000)</b>  | <b>25.835.920.722</b> | <b>17.569.783.165</b>             | <b>108.355.673.887</b> |

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Cổ đông góp vốn | 64.999.970.000        | 64.999.970.000        |
| <b>Cộng</b>     | <b>64.999.970.000</b> | <b>64.999.970.000</b> |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

|                 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |            | Vốn điều lệ đã góp (VND) | Vốn điều lệ còn phải góp (VND) |
|-----------------|-------------------------------------------|------------|--------------------------|--------------------------------|
|                 | VND                                       | Tỷ lệ (%)  |                          |                                |
| Cổ đông góp vốn | 64.999.970.000                            | 100        | 64.999.970.000           | -                              |
| <b>Cộng</b>     | <b>64.999.970.000</b>                     | <b>100</b> | <b>64.999.970.000</b>    | <b>-</b>                       |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 22c. Cổ phiếu

|                                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 6.499.997   | 6.499.997  |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 6.499.997   | 6.499.997  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 6.499.997   | 6.499.997  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 6.499.997   | 6.499.997  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 6.499.997   | 6.499.997  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                      | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 847.418.611          | 847.418.611          |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 3.389.674.444        | 3.389.674.444        |
| Trên 5 năm           | 3.209.516.687        | 4.056.935.298        |
| <b>Cộng</b>          | <b>7.446.609.742</b> | <b>8.294.028.353</b> |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 19.700 m2 đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 06; phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 24.244 VND/m2/năm. Hợp đồng thuê số 23/HĐTĐ-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 18 năm tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 1.222,8 m2 đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50; phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 96.705 VND/m2/năm. Hợp đồng thuê số 23/HĐTĐ-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 18 năm tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 7.752,1 m2 đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 25, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 20.184 VND/m2/năm. Hợp đồng thuê số 27/HĐTĐ-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 2.948 m2 đất tại thửa đất số 19, 51, tờ bản đồ số 36, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 32.256 VND/m2/năm. Hợp đồng thuê số 24/HĐTĐ-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 26 tháng 11 năm 2001.

##### 23b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 488,57 USD (số đầu năm là 488,57 USD).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****23c. Nợ khó đòi đã xử lý**

|                              | Số cuối năm |                    | Số đầu năm |                    | Nguyên nhân xóa sổ                                      |
|------------------------------|-------------|--------------------|------------|--------------------|---------------------------------------------------------|
|                              | Nguyên tệ   | VND                | Nguyên tệ  | VND                |                                                         |
| Cty TNHH Sản xuất Thương mại |             |                    |            |                    | Không còn đóng tại địa chỉ đăng ký, không liên lạc được |
| Xuất nhập khẩu               |             |                    |            |                    |                                                         |
| Trần Quang Thái              | -           | 80.640.710         | -          | 80.640.710         | Không có khả năng thu hồi                               |
| Các đối tượng khác           | -           | 840.899.991        | -          | 840.899.991        |                                                         |
| <b>Cộng</b>                  | -           | <b>921.540.701</b> | -          | <b>921.540.701</b> |                                                         |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                                            | Năm nay                | Năm trước              |
|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa                     | 6.185.399.233          | 11.245.846.298         |
| Doanh thu bán thành phẩm                   | 219.948.408.177        | 321.596.826.213        |
| Doanh thu bán phụ phẩm và cung cấp dịch vụ | 5.854.586.287          | 2.090.072.028          |
| <b>Cộng</b>                                | <b>231.988.393.697</b> | <b>334.932.744.539</b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

|                                                     | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên</b>              |                |                |
| Bán hàng hóa, thành phẩm                            | 32.920.995.300 | 23.231.858.500 |
| <b>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên - Kiên Giang</b> |                |                |
| Bán hàng hóa, thành phẩm                            | 29.104.884.900 | 20.379.520.200 |

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                 | Năm nay                | Năm trước              |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 4.280.618.471          | 6.994.677.565          |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán   | 193.551.107.690        | 284.157.402.719        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 58.070.904             | 58.070.904             |
| <b>Cộng</b>                     | <b>197.889.797.065</b> | <b>291.210.151.188</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                 | Năm nay       | Năm trước   |
|---------------------------------|---------------|-------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng          | 9.601.688     | 52.689.213  |
| Lãi tiền ký quỹ                 | 152.287       | 8.608.141   |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia     | 8.805.740.000 | 887.138.720 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 3.772.470     | 183.900     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                                                | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản<br>mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | -                     | 45.216.278            |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>8.819.266.445</b>  | <b>993.836.252</b>    |
| <b>4. Chi phí tài chính</b>                                                    |                       |                       |
|                                                                                | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
| Chi phí lãi vay                                                                | 7.915.016.642         | 7.061.616.519         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh                                                 | 3.575.131             | 32.121.851            |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản<br>mục tiền tệ có gốc ngoại tệ  | 13.778                | 24.697.755            |
| Chi phí tài chính khác                                                         | 17.977.204            | 27.147.688            |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>7.936.582.755</b>  | <b>7.145.583.813</b>  |
| <b>5. Chi phí bán hàng</b>                                                     |                       |                       |
|                                                                                | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
| Chi phí vật liệu, bao bì                                                       | 51.506.010            | 69.276.300            |
| Chi phí vận chuyển, bốc dỡ                                                     | 2.387.267.488         | 2.844.590.189         |
| Các chi phí khác                                                               | 55.482.273            | 68.596.226            |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>2.494.255.771</b>  | <b>2.982.462.715</b>  |
| <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                                         |                       |                       |
|                                                                                | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
| Chi phí cho nhân viên                                                          | 10.709.401.359        | 9.486.433.225         |
| Chi phí vật liệu quản lý                                                       | 144.257.583           | 353.572.346           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                                                      | 138.015.725           | 138.920.222           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                                               | 158.929.080           | 158.929.080           |
| Thuế, phí và lệ phí                                                            | 879.236.681           | 858.632.408           |
| Dự phòng phải thu khó đòi                                                      | 1.247.400.000         | 47.970.000            |
| Trích lập/(Hoàn nhập) quỹ dự phòng tiền lương                                  | (1.800.000.000)       | 1.200.000.000         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                                      | 989.922.622           | 1.730.708.636         |
| Các chi phí khác                                                               | 1.509.433.427         | 4.452.466.763         |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>13.976.596.477</b> | <b>18.427.632.680</b> |
| <b>7. Thu nhập khác</b>                                                        |                       |                       |
|                                                                                | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động<br>sản đầu tư               | 2.060.802.557         | 2.054.379.575         |
| Thu nhập khác                                                                  | -                     | 151.041.241           |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>2.060.802.557</b>  | <b>2.205.420.816</b>  |
| <b>8. Chi phí khác</b>                                                         |                       |                       |
|                                                                                | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
| Chi phí khác                                                                   | 23.671.561            | 59.824.509            |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>23.671.561</b>     | <b>59.824.509</b>     |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

##### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|                                                                                                                        | Năm nay         | Năm trước       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                       | 18.143.825.401  | 14.690.746.129  |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)                                                                                    | (907.191.270)   | (734.537.306)   |
| Trích thưởng Ban điều hành, quản lý (*)                                                                                | (1.104.680.270) | (1.194.180.370) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: |                 |                 |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                                                                       | 16.131.953.861  | 12.762.028.453  |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm                                            | 6.499.997       | 6.499.997       |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                                                               | <b>2.482</b>    | <b>1.963</b>    |

(\*) Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành, quản lý năm nay theo tỷ lệ trích lập tại Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 146.070.692.809        | 215.521.976.914        |
| Chi phí nhân công                | 40.495.884.723         | 57.618.471.875         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 12.245.390.336         | 10.279.515.361         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 14.460.570.092         | 21.972.257.447         |
| Chi phí khác                     | 1.559.621.497          | 7.011.769.323          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>214.832.159.457</b> | <b>312.403.990.920</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|                                           | Năm nay              | Năm trước            |
|-------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương                                | 1.822.047.241        | 1.440.973.887        |
| Thù lao, thưởng HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | 1.423.602.524        | 1.063.261.479        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>3.245.649.765</b> | <b>2.504.235.366</b> |

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác                           | Mối quan hệ      |
|----------------------------------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô               | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên              | Công ty góp vốn  |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên – Kiên Giang | Công ty góp vốn  |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất bao bì và toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## 3. Số liệu so sánh

### 3a. Các sai sót

Một số chỉ phí liên quan trực tiếp đến việc thanh lý tài sản cố định của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được bù trừ với thu nhập từ thanh lý.

### 3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh như sau:

|                                             | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh | Ghi chú |
|---------------------------------------------|-------|--------------------------|----------------|------------------------|---------|
| <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> |       |                          |                |                        |         |
| Thu nhập khác                               | 31    | 2.282.262.471            | (76.841.655)   | 2.205.420.816          |         |
| Chi phí khác                                | 32    | 136.666.164              | (76.841.655)   | 59.824.509             |         |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách Mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

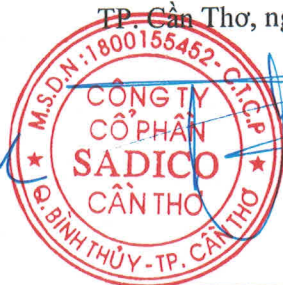
TP. Cần Thơ, ngày 17 tháng 01 năm 2018



**Dương Thị Quỳnh Giao**  
Người lập



**Dương Thị Quỳnh Giao**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Phú Thọ**  
Tổng Giám đốc

